

PGD&ĐT BẮT XÁT
TRƯỜNG PTDT BT THCS DỀN THẮNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	334/385	82/95	90/106	81/92	81/92
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	86,8	86,3	84,9	88,0	88,0
		43/385	12/95	13/106	8/92	10/92
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	11,2	12,6	12,2	8,7	10,9
		8/385	1/95	3/106	3/92	1/92
3	Trung bình (Đạt) (tỷ lệ so với tổng số)	2,1	1,1	2,8	3,3	1,1
		0	0	0	0	0
4	Yếu (Chưa đạt) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	16/385	2/92	5/106	5/92	4/92
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	4,2	2,2	4,7	5,4	4,3
		121/385	31/92	27/106	30/92	33/92
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	31,4	33,7	25,5	32,6	35,9
		246/385	60/92	74/106	57/92	55/92
3	Trung bình (Đạt) (tỷ lệ so với tổng số)	63,9	65,2	69,8	61,9	59,8
		2/385	2/92	0	0	0
4	Yếu (Chưa đạt) (tỷ lệ so với tổng số)	0,5	2,1	0	0	0
		0	0	0	0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	385/385	95/95	101/106	92/92	92/92
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	100	100	100	100	100
		16/385	2/92	5/106	5/92	4/92
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	4,2	2,2	4,7	5,4	4,3
		63/184	0	0	30/184	33/184
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	34,2	0	0	16,3	17,9
		2/385	2/92	0	0	0
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0,5	2,1	0	0	0
		0	0	0	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
		0	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học	6	0	0	5	2

